

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV24B4
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh(4)	Cải đặ, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2454802030455	Ngô Huỳnh	Anh	15/08/2009	7.6	8.2	7.8	8.5	8.0	5.7	7.8	Khá
02	2454802030456	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/05/2009	9.4	8.1	7.2	9.1	6.5	5.8	7.6	Khá
03	2454802030457	Đặng Phước	Bảo	22/09/2009	6.7	1.6	3.2	3.3	1.1	0.0	2.0	Yếu
04	2454802030458	Nguyễn Văn	Bi	20/03/2009	2.6	1.4	3.1	3.3	0.0	2.6	2.1	Yếu
05	2454802030460	Hà Minh	Duy	11/09/2009	8.2	9.1	8.0	8.6	6.2	6.5	8.0	Giỏi
06	2454802030461	Trần Bảo	Duy	10/08/2009	9.5	8.7	7.7	8.8	7.3	6.4	8.0	Giỏi
07	2454802030462	Hồ Hải	Đặng	03/07/2009	8.8	6.4	8.0	8.7	7.8	5.7	7.3	Khá
08	2454802030463	Nguyễn Nhất	Đô	22/11/2009	8.5	5.9	7.4	8.6	6.8	5.0	6.8	Trung bình
09	2454802030464	Vũ Phan Minh	Đức	31/03/2009	8.5	2.6	7.4	8.7	6.8	3.8	5.7	Trung bình
10	2454802030465	Lê Thị Ngọc	Huyền	14/10/2008	0.0	8.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
11	2454802030466	Phú Văn	Kha	18/03/2009	7.8	8.4	7.3	8.9	7.0	5.4	7.6	Khá
12	2454802030468	Châu Quang	Kiệt	15/10/2009	8.5	7.4	7.2	7.3	6.4	5.8	7.0	Khá
13	2454802030469	Hoa Thị Hồng	Lan	23/09/2009	8.8	7.8	8.2	8.6	8.2	7.6	8.1	Giỏi
14	2454802030470	Nguyễn Thanh	Luân	08/10/2008	7.4	5.2	8.2	6.5	6.9	5.9	6.5	Trung bình
15	2454802030471	Nguyễn Xuân	Nam	04/02/2008	8.2	5.7	7.6	9.0	6.4	5.1	6.8	Trung bình
16	2454802030472	Nguyễn Đông	Nghi	04/05/2009	9.3	8.0	7.8	9.2	7.3	6.6	7.9	Khá
17	2454802030473	Đinh Bảo	Nghĩa	12/11/2009	7.6	8.5	7.8	9.1	7.4	6.2	8.0	Giỏi
18	2454802030474	Lê Trọng	Nghĩa	17/10/2009	7.8	9.0	8.2	9.0	6.9	5.0	8.0	Giỏi
19	2454802030476	Đỗ Thành	Phát	19/01/2009	2.5	2.3	3.0	3.2	0.0	1.4	2.2	Yếu
20	2454802030477	Phạm Thế	Phong	27/04/2009	3.0	0.8	3.3	3.0	0.0	0.8	1.7	Yếu
21	2454802030478	Võ Hoài	Phong	07/06/2009	7.1	8.0	8.0	8.4	6.8	0.5	6.8	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh(4)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030479	Dương Hoài	Phú	19/07/2009	2.3	6.4	8.1	7.0	5.9	3.5	6.4	Trung bình
23	2454802030480	Lữ Thiên	Phú	17/07/2009	8.4	8.8	8.1	8.5	8.2	6.2	8.1	Giỏi
24	2454802030481	Nguyễn Thị Kim	Thanh	08/01/2009	8.4	8.5	8.3	8.4	7.9	5.6	7.9	Khá
25	2454802030483	Trần Văn	Thuận	07/06/2009	7.9	1.2	8.2	8.1	5.9	0.0	4.7	Yếu
26	2454802030485	Danh Thị Thu	Thủy	08/12/2009	9.8	8.9	8.3	9.0	7.7	5.9	8.2	Giỏi
27	2454802030486	Võ Thị Kim	Tiền	02/09/2009	7.3	8.0	7.7	8.7	3.5	2.4	6.6	Trung bình
28	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	27/10/2009	9.8	9.0	8.3	8.2	8.3	5.9	8.1	Giỏi
29	2454802030488	Nguyễn Công	Trí	17/02/2009	7.0	6.7	8.0	7.1	6.8	5.8	7.0	Khá
30	2454802030489	Trần Thùy	Trinh	27/03/2009	8.1	8.4	8.0	9.3	7.2	5.6	7.9	Khá
31	2454802030490	Đỗ Hồng	Trúc	14/03/2009	8.4	5.9	8.2	7.4	6.9	5.7	6.8	Trung bình
32	2454802030491	Thái Phú	Vinh	07/07/2009	2.6	1.8	8.2	8.8	0.0	3.4	4.6	Yếu
33	2454802030492	Huỳnh Thị Tường	Vy	18/04/2009	8.3	8.3	7.9	9.2	7.5	6.1	8.0	Giỏi

*Lưu ý : Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái